THỂ CHẾ TÀI CHÍNH HỖ TRỢ TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

PGS.TS. Nguyễn Bá Minh* - Trần Anh Vũ*

Bài viết phân tích thực trạng thể chế tài chính hỗ trợ tăng trưởng xanh ở Việt Nam thời gian qua; từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống thể chế này trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực thi chính sách tài chính hướng tới tăng trưởng xanh của Việt Nam đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cần có giải pháp khắc phục để dần xanh hóa nền kinh tế.

• Từ khóa: *tăng trưởng xanh, tài chính xanh, thể chế tài chính, tín dụng xanh, trái phiếu xanh.*

This article analyzes the current state of financial institutions supporting green growth in Vietnam over the past period; thereby offering recommendations to improve this institutional system in the future. The research results show that, in addition to the achievements, the implementation of financial policies aimed at green growth in Vietnam is facing many difficulties and challenges that require solutions to gradually green the economy.

• Key words: *green growth, green finance, financial institutions, green credit, green bonds.*

Ngày nhận bài: 20/01/2026
Ngày gửi phản biện: 27/02/2026
Ngày duyệt đăng: 30/3/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.04

Đặt vấn đề

Việt Nam, một nền kinh tế đang vươn mình từ quá khứ khai thác tài nguyên thô, nay bước vào giai đoạn phát triển mới với muôn vàn thử thách: khí hậu đổi thay, môi trường xuống cấp, an sinh xã hội chịu nhiều sức ép. Theo Báo cáo Chỉ số Phát triển Thế giới của World Bank (2020), tốc độ phát thải của Việt Nam tăng nhanh nhất Đông Nam Á, đạt 502,1 triệu tấn CO_2 năm 2020 và có thể lên tới 888,8 triệu tấn vào năm 2030, tăng 51% so với giai đoạn 2004 - 2014. Mức gia tăng này vượt xa nhiều quốc gia trong khu vực, kể cả những nền kinh tế có tốc độ công nghiệp hóa mạnh như Malaysia, Indonesia hay Trung Quốc.

World Bank (2022) ước tính Việt Nam cần khoảng 368 tỷ USD đến năm 2040, tương đương 6,8% GDP mỗi năm, để kiến tạo một nền kinh tế có khả năng chống chịu và hướng tới phát thải ròng bằng 0, một khoản đầu tư dù lớn nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với những tổn thất do biến đổi khí hậu gây ra. Trong bối cảnh ấy, thể chế tài chính trở thành chiếc "then cửa" định đoạt hành trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh.

Bài viết tập trung phân tích thực trạng hệ thống thể chế tài chính hỗ trợ tăng trưởng xanh ở Việt Nam, chỉ ra những chuyển động tích cực trong nỗ lực cơ cấu lại nền kinh tế. Tuy vậy, việc triển khai các chính sách tài chính xanh vẫn đối mặt nhiều trở ngại, đòi hỏi giải pháp mạnh mẽ và bền bỉ hơn để từng bước phủ sắc xanh lên nền kinh tế quốc gia.

Cơ sở lý luận - phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận

Thể chế tài chính có thể được nhìn nhận ở hai tầm, vi mô và vĩ mô nhưng luôn giữ vai trò then chốt trong định hình hướng đi của nền kinh tế. Ở tầm vĩ mô, thể chế tài chính là tập hợp mục tiêu và biện pháp do nhà nước thiết lập nhằm điều tiết chức năng huy động và phân bổ nguồn lực tài chính, để hệ thống tài chính quốc gia phục vụ có hiệu quả các mục tiêu phát triển trong chiến lược kinh tế - xã hội. Khái niệm này bao phủ mọi khâu tài chính: từ tài chính công, doanh nghiệp, hộ gia đình, tổ chức xã hội cho đến thị trường tài chính. Ở tầm vi mô, theo OECD (2011), chính sách tài chính liên quan trực tiếp đến quy định, giám sát hệ thống tài chính và hoạt động thanh toán nhằm bảo đảm ổn định tài chính, hiệu quả thị trường và bảo vệ khách hàng.

Nghiên cứu này tiếp cận thể chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh trên ba giác độ tương hỗ:

Kinh tế: Thể chế tài chính thông qua chính sách thu (thuế, phí), chính sách chi ngân sách và kênh thị trường tài chính quyết định khả năng huy động và phân bổ nguồn lực cho đầu tư xanh. Các công cụ này vừa khuyến khích dịch chuyển cơ cấu sang ngành ít tiêu hao tài nguyên và thải ít khí nhà kính, vừa tạo nguồn thu bổ sung cho ngân sách thực hiện "mục tiêu kép": hạn chế hoạt động gây hại môi trường và củng cố vị thế tài khóa của nhà nước.

** Học viện Tài chính; email: nguyenbaminh2009@gmail.com - trananhvu2002@gmail.com*

Môi trường: Thuế, phí thân thiện môi trường và cơ chế chi thưởng cho dự án xanh tạo tín hiệu kinh tế rõ ràng, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư vào sản phẩm sạch. Chính sách chi trực tiếp hỗ trợ chuyển giao công nghệ xanh sẽ làm tăng hấp dẫn các dự án thân thiện môi trường trong chiến lược đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.

Xã hội: Khi môi trường được cải thiện và đầu tư xanh được ưu tiên, thị trường lao động sẽ mở rộng theo hướng bền vững, việc làm và sức khỏe cộng đồng được bảo đảm, từ đó nâng cao sinh kế và an sinh xã hội cho người dân.

Phương pháp nghiên cứu

(i). Thu thập dữ liệu: Nghiên cứu tổng hợp tài liệu học thuật và báo cáo chính thức (ví dụ: Ủy ban Tài khóa Xanh, OECD 2011; các công trình trong nước như Lê Quang Thuận et al., 2015), kết hợp thao tác tư duy logic và hệ thống hóa lý thuyết nhằm rút ra các luận cứ khoa học về thể chế tài chính hỗ trợ tăng trưởng xanh.

(ii). Phân tích dữ liệu: Sử dụng phương pháp phân tích định tính kết hợp thống kê mô tả, tổng hợp, so sánh, đối chiếu số liệu và kết quả nghiên cứu trong nước, quốc tế cùng bảng biểu từ các nguồn chính thức (Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Tổng cục Thống kê). Qua đó, bài viết làm sáng tỏ bản chất, hiệu lực và những bất cập của thể chế tài chính hiện hành trong hành trình xanh hóa nền kinh tế.

Nội dung và kết quả nghiên cứu phân tích

1. Thực trạng thể chế tài chính xanh hỗ trợ tăng trưởng tại Việt Nam

Tại Việt Nam, thể chế tài chính xanh hình thành chủ yếu qua hệ thống thu - chi ngân sách nhà nước cùng các công cụ mới như tín dụng xanh, trái phiếu xanh và thị trường tín chỉ carbon. Những chính sách này vừa định hướng hành vi sản xuất - tiêu dùng, vừa dẫn dòng vốn vào phát triển bền vững.

1.1. Chính sách thu ngân sách nhà nước

Chính sách thu thúc đẩy tăng trưởng xanh thể hiện qua thuế, phí và lệ phí, trong đó thuế bảo vệ môi trường (BVMT) là trụ cột quan trọng. Thuế BVMT, áp dụng từ năm 2012, đánh vào các sản phẩm gây ô nhiễm như xăng dầu, than đá, túi ni lông hay các hóa chất độc hại - dựa trên nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả". Song hành là thuế tài nguyên, tác động trực tiếp đến khai thác khoáng sản, dầu khí và được xem là công cụ quan trọng hạn chế khai thác tràn lan.

Các sắc thuế khác như GTGT, TTĐB và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được điều chỉnh theo hướng khuyến khích công nghệ sạch: thuế GTGT hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô; thuế TTĐB ưu đãi xăng sinh học và xe điện; thuế TNDN áp dụng thuế suất 10% cho các dự án năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học và hoạt động trồng, bảo vệ rừng.

Những điều chỉnh này tạo hiệu ứng rõ nét trên ba phương diện:

Về kinh tế, số thu từ thuế BVMT tăng liên tục, chiếm 0,88% GDP năm 2018 và khoảng 4,6% tổng thu NSNN năm 2022, góp phần bù đắp suy giảm thu nhập từ thuế nhập khẩu.

Về môi trường, việc tăng thuế tài nguyên (lên mức 2-5%) làm giảm sản lượng khai thác than, dầu thô; trong khi ưu đãi thuế cho năng lượng xanh giúp tỷ lệ điện tái tạo tăng từ 5,8% năm 2016 lên 14% năm 2022. Tuy vậy, tác động tới giảm phát thải CO_2 vẫn còn hạn chế.

1.2. Chính sách chi ngân sách nhà nước

Ở chiều chi, NSNN đóng vai trò nguồn lực chủ đạo cho bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh. Hằng năm, ngân sách bố trí tối thiểu 1% tổng chi NSNN cho sự nghiệp môi trường, tập trung vào hỗ trợ các dự án BVMT, ứng phó sự cố môi trường, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và công tác thanh tra, kiểm tra môi trường.

Dù điều kiện ngân sách còn hạn chế, chi cho môi trường luôn được ưu tiên và tăng đều qua các năm. Bên cạnh đó, vốn trung ương, địa phương và ODA được huy động cho các chương trình trọng điểm như nước sạch nông thôn, ứng phó biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng… tạo nền tảng quan trọng cho phát triển xanh.

1.3. Chính sách tài chính khác

Ngoài 02 chính sách tài chính chủ yếu là thu và chi NSNN, thì chính sách tín dụng xanh (TDX) và phát hành trái phiếu xanh cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam. Theo Báo cáo NHNN, Cùng với đó, hoạt động tín dụng xanh cũng đạt kết quả tích cực. Đến cuối quý I/2025, đã có 58 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ tín dụng xanh với tổng giá trị trên 704.244 tỷ đồng, tăng 3,57% so với cuối năm 2024, chiếm 4,3% tổng dư nợ toàn nền kinh tế. Dư nợ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm hơn 37%) và nông nghiệp xanh (trên 29%). Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh trong giai đoạn 2017-2024 đạt bình quân 21,2%/năm, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng tín dụng chung.

Hình 2: Dư nợ tín dụng xanh giai đoạn 2017-2024 (Nghìn tỷ đồng)

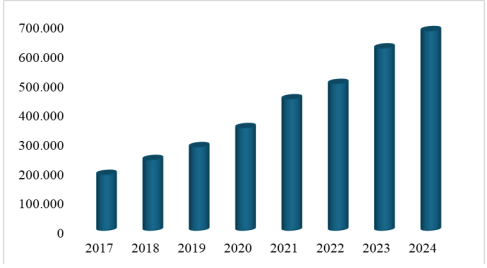

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Trong những năm gần đây, dưới định hướng của Ngân hàng Nhà nước, nhiều ngân hàng thương mại đã khởi động và mở rộng các gói tín dụng xanh, từ Sacombank, BIDV, VietinBank, Vietcombank đến Agribank, SHB, ACB, Viet A Bank, Nam A Bank, OCB, PVComBank, HSBC, HDBank… Theo báo cáo năm 2021, khoảng 24% ngân hàng đã xây dựng và triển khai thẩm định tín dụng theo tiêu chí xanh; 50% ban hành quy trình quản lý rủi ro môi trường - xã hội; và 68% đặt mục tiêu mở rộng tín dụng xanh trong ngắn hạn và trung hạn. Những con số ấy cho thấy tín dụng xanh đang trở thành mạch nước nguồn nuôi dưỡng khát vọng phát triển bền vững của hệ thống tài chính Việt Nam.

1.2.1. Trái phiếu xanh

Năm 2021 đánh dấu bước chuyển quan trọng khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tích cực thúc đẩy bộ tiêu chuẩn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững ASEAN, dựa trên các nguyên tắc do Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA) ban hành. Những chuẩn mực này được kỳ vọng tạo nền móng cho một dòng tài sản bền vững tại Việt Nam.

Tới tháng 7/2022, thị trường lần đầu ghi nhận trái phiếu xanh phát hành theo chuẩn ICMA: Công ty Tài chính cổ phần Điện lực (EVNFinance) chào bán 73,7 triệu USD trái phiếu kỳ hạn 10 năm, lãi suất 6,7%/năm, được GuarantCo bảo lãnh một phần. Sự kiện này được ví như cú hích mạnh mẽ đối với thị trường trái phiếu xanh vốn còn non trẻ nhưng đầy tiềm năng.

Thị trường hiện có các loại trái phiếu chính phủ, chính phủ bảo lãnh và chính quyền địa phương phục vụ cho các dự án xanh: thủy lợi, môi trường, năng lượng gió, mặt trời… Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 101/2021/TT-BTC, giảm 50% phí dịch vụ trái phiếu xanh nhằm khuyến khích tổ chức phát hành và nhà đầu tư.

Theo Nguyễn Anh Tuấn (2024), giai đoạn 2019-2023, Việt Nam huy động được khoảng 1,16 tỷ USD trái phiếu xanh, trong đó 57% vốn đổ vào năng lượng tái tạo - lĩnh vực đang thu hút sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020-2021, dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, Bộ Tài chính vẫn triển khai 12 đợt phát hành, huy động 3.528,5 triệu USD. Những thành tựu này có được nhờ nỗ lực tích lũy trong suốt thập niên 2011-2020: sự chuyển dịch tích cực cơ cấu vốn đầu tư với vai trò ngày càng lớn của khu vực tư nhân và FDI, cùng việc ban hành sớm và đồng bộ các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường trái phiếu xanh.

2. Một số vấn đề đặt ra đối với thể chế tài chính xanh tại Việt Nam

2.1. Chính sách thu ngân sách nhà nước

Dù đóng vai trò quan trọng, mức độ điều tiết của các sắc thuế môi trường hiện hành vẫn chưa đủ mạnh để thay đổi hành vi sản xuất - tiêu dùng theo hướng xanh. Nhiều mặt hàng gây ô nhiễm chưa được đưa vào diện chịu thuế BVMT; mức thuế áp dụng cho một số sản phẩm còn thấp, chưa tạo được áp lực chuyển đổi sang công nghệ sạch hoặc tiêu dùng bền vững.

Khung thuế BVMT hiện áp dụng mức tuyệt đối, có trần và sàn, do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định. Tuy nhiên, việc xác định mức thuế tối ưu cho từng loại hàng hóa cần phân tích sâu hơn mức độ gây ô nhiễm và tác động kinh tế - xã hội, đồng thời bảo đảm nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả". Chỉ khi cơ chế thuế phản ánh đúng chi phí môi trường thì chính sách thu mới đủ sức thúc đẩy tăng trưởng xanh một cách thực chất.

2.2. Chính sách chi ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước những năm qua đã ưu tiên chi cho bảo vệ môi trường, tập trung xử lý các "điểm nóng": ô nhiễm nguồn nước, chất thải rắn ở đô thị, khu công nghiệp; kiểm soát hóa chất độc hại, phế liệu, máy móc cũ nhập khẩu… Các khoản chi này góp phần ứng phó kịp thời với các vấn đề môi trường cấp bách.

Tuy vậy, chi ngân sách vẫn còn dàn trải; nguồn lực dành cho đầu tư hạ tầng môi trường còn hạn chế, nhất là các dự án xử lý nước thải, rác thải - những lĩnh vực đòi hỏi vốn lớn và thời gian đầu tư dài. Khi mức độ ô nhiễm ngày càng gia tăng, áp lực lên ngân sách càng lớn, đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực, đồng thời mở rộng cơ chế huy động xã hội hóa.

2.3. Các chính sách tài chính khác

2.3.1. Tín dụng xanh

Việc triển khai tín dụng xanh hiện còn đối mặt nhiều rào cản:

Thứ nhất, Việt Nam chưa có bộ tiêu chí xanh thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Điều này khiến các ngân hàng khó thẩm định, đánh giá và quản lý rủi ro môi trường - xã hội. Thủ tục vay vốn cho dự án xanh thường phức tạp, yêu cầu khắt khe, trong khi thiếu cơ chế hỗ trợ lãi suất. Vì thế, doanh nghiệp chưa mặn mà với khoản vay xanh.

Thứ hai, nguồn vốn cho tín dụng xanh còn lệ thuộc vào các dự án hỗ trợ của IFC, ADB, GCTF… nhưng đây chỉ là nguồn lực tạm thời. Trong khi đó, đặc thù của dự án xanh là vốn lớn, thời gian hoàn vốn dài, rủi ro thị trường cao; trong khi ngân hàng chủ yếu huy động vốn ngắn hạn. Lãi suất cho vay dự án xanh vẫn không khác nhiều so với khoản vay thông thường - dao động 6,2-9,4%/năm đối với ngắn hạn và 9,4-11,4% đối với trung và dài hạn.

Về lâu dài, các ngân hàng phải mở rộng kênh huy động vốn xanh qua thị trường trái phiếu xanh - hướng

đi mà nhiều quốc gia như Singapore hay Ấn Độ đã thành công.

2.3.2. Trái phiếu xanh

Dù tiềm năng lớn, thị trường trái phiếu xanh Việt Nam vẫn phát triển chậm. Trong giai đoạn 2018-2023, chỉ có 19 trái phiếu xanh được phát hành. UBCKNN đã ban hành cẩm nang hướng dẫn phát hành, yêu cầu công bố minh bạch thông tin môi trường - xã hội để tăng niềm tin nhà đầu tư.

Thách thức lớn nhất hiện nay là nhận thức còn hạn chế: nhiều doanh nghiệp và tổ chức tài chính chưa thật sự am hiểu các khái niệm về tăng trưởng xanh hay thị trường vốn xanh. Việc thiếu chuẩn chung về đánh giá tác động môi trường, thiếu tổ chức đánh giá độc lập và thiếu ưu đãi thuế phí khiến thị trường khó phát triển. Nhà đầu tư vẫn ưu tiên lợi nhuận ngắn hạn của các dự án truyền thống, hơn là đầu tư vào các dự án bền vững.

3. Một số kiến nghị thúc đẩy phát triển tài chính xanh tại Việt Nam đến năm 2030

Phát triển tài chính xanh đang trở thành dòng chảy tất yếu trong chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam. Đây không chỉ là lời đáp trước những biến động của khí hậu và sức ép môi trường, mà còn là con đường để doanh nghiệp chuyển mình sang mô hình sản xuất xanh, hiệu quả và trách nhiệm hơn. Dù hoạt động tài chính xanh những năm qua đã mở rộng về cả quy mô lẫn giá trị, thị trường vẫn cần những bước đi mạnh mẽ và đồng bộ để thực sự trở thành lực đẩy cho tăng trưởng xanh.

Thứ nhất, cần sớm hoàn thiện bộ tiêu chí và tiêu chuẩn thống nhất cho chứng khoán xanh và tín dụng xanh, áp dụng trên toàn thị trường. Việc hình thành hệ thống tổ chức định giá, xếp hạng tín nhiệm xanh độc lập, công khai và minh bạch sẽ tạo nền tảng vững chắc cho niềm tin của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, phát triển đội ngũ tư vấn trong nước có năng lực đánh giá khách quan các dự án xanh là yêu cầu cấp thiết.

Thứ hai, cần nuôi dưỡng lực lượng nhà đầu tư tổ chức hướng đến chiến lược dài hạn và trách nhiệm xã hội. Các ngân hàng thương mại phải tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong cung ứng tín dụng xanh và đầu tư trái phiếu xanh; đồng thời xây dựng khung quản trị rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Việc đánh giá tác động môi trường phải trở thành một thành tố trong thẩm định tín dụng, kèm theo cơ chế hỗ trợ để ngân hàng tiếp cận nguồn vốn xanh và mở rộng cho vay các dự án xanh.

Thứ ba, minh bạch thông tin là điều kiện sống còn để giảm bất cân xứng trên thị trường, từ đó thu hút dòng vốn quốc tế và tăng thanh khoản cho các công cụ tài chính xanh. Các cơ quan quản lý cần đặt ra chuẩn mực cụ thể về chất lượng thông tin trong các bộ chỉ số và ma trận đánh giá, giúp doanh nghiệp cung cấp dữ liệu đầy đủ, chính xác. Đồng thời, việc hình thành sàn giao dịch điện tử trái phiếu sẽ tạo môi trường minh bạch và thuận lợi hơn cho nhà đầu tư.

Thứ tư, để thị trường tài chính xanh mở rộng cả cung lẫn cầu, cần đẩy mạnh truyền thông, đào tạo và phổ biến kiến thức về trách nhiệm môi trường - xã hội, giới thiệu rộng rãi các sản phẩm tài chính xanh đến cộng đồng đầu tư. Khi người dân và doanh nghiệp hiểu rõ giá trị của đầu tư xanh, nhu cầu thị trường sẽ tự khắc lan tỏa.

Cuối cùng, chỉ khi các giải pháp được triển khai đồng bộ, bền bỉ và nhất quán, tài chính xanh mới trở thành trụ cột nâng đỡ chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, đồng thời mở ra một tầm nhìn phát triển hài hòa, bền vững đến năm 2050.

Kết luận: Xu hướng tài chính xanh đang phát triển trên thế giới, mặc dù có nhiều vấn đề phải giải quyết để phát triển xu hướng này. Trong tương lai, Việt Nam hứa hẹn sẽ là điểm đến hấp dẫn cho nguồn vốn xanh quốc tế với môi trường pháp lý đang được hoàn thiện, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp cũng đang nỗ lực để kinh doanh tuần hoàn, phát triển tài chính xanh nhiều hơn, hiệu quả hơn nhằm huy động nguồn lực đầu tư phát triển và hội nhập quốc tế về phát triển bền vững…

Tài liệu tham khảo:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện

Bộ Tài chính (2021), Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương (2022). Sổ tay tài chính xanh https://vietrade.gov.vn/publication-detail?newsId=52

Minh Đức (4/2024), Dư nợ tín dụng xanh tăng trưởng hơn 22%/năm giai đoạn 2017-2023 https://tapchitaichinh.vn/du-no-tin-dung-xanh-tang-truong-hon-22-nam-giai-doan-2017-2023.html

Trần Thị Thu Hương (2023), Phát triển tài chính xanh tại Việt Nam, https://tapchitaichinh.vn/phat-trien-tai-chinh-xanh-tai-viet-nam-1070479.html

Hồ Hạnh Mỹ (2016), Tài chính xanh cho tăng trưởng và phát triển bền vững tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, số 171, tháng 8/2016

Ngân hàng Nhà nước (2015), Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 06/08/2015 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020

Ngân hàng Nhà nước (2018), Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/08/2018 phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam

Báo Ngọc (2023). Dư nợ cấp cho tín dụng xanh tại Việt Nam tăng trưởng nhanh. Truy cập tại: https://vov.vn/kinh-te/thi-truong/du-no-cap-cho-tin-dung-xanh-tai-viet-nam-tang-truong-nhanh-post1017305.vov

Quốc hội (2020), Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020

Lê Quang Thuận (2015), Chính sách tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020, Đề tài cấp Bộ, Bộ Tài chính

Lê Mai Trang và cộng sự (2024), Phát triển tài chính xanh ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 01, tháng 01/2024

Chowdhury T, Datta R., and Mohajan H. (2013), "Green nance is essential for economic development and sustainability", International Journal Of Research In Commerce, Economics & Management, vol. 3, no. 10.

Climate bonds và HSBC (2022), Green bonds report

OECD (2011), Tools for Delivering on Green Growth

Pietsch, A., and Salakhova, D. (2022), Pricing of green bonds: drivers and dynamics of the greenium, ECB Working Paper.

Sachs, J., Woo, W. T., Yoshino, N., and Taghizadeh-Hesary, F. (Eds.) (2019), Handbook of green finance: Energy security and sustainable development.

Thompson, S. (2021), Green and Sustainable Finance: principles and practice (Vol. 6), Kogan Page Publishers.